

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **28/2023 /HNGĐ-ST**

Ngày: 09 – 08 – 2023 .

Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mai.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết, ông Lê Khắc Dũng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Xuân Quyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 138/2023/TLST - HNGĐ, ngày 03 tháng 4 năm 2023, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về tài sản riêng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXX-ST, ngày 12/6/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số:18/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 30/6/2023 và thông báo thời gian mở phiên tòa số 95 ngày 19/7/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Đinh Xuân T, sinh năm 1961.** Nơi cư trú: Tổ 2B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Bị đơn: Bà Đào Thị N, sinh năm: 1971. Nơi cư trú: Thôn 9, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Th . Nơi cư trú: Thôn 8, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện ghi ngày 27/03/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đinh Xuân T trình bày:

+ Về qua hệ hôn nhân: Ông Đinh Xuân T và bà Đào Thị N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K vào ngày 09/11/2020 hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 8 năm 2022 âm lịch phát sinh mâu thuẫn. Theo ông T nguyên nhân là từ ngày bà N mở quán bán cà phê (khoảng tháng 8/2022 âm lịch) cho đến nay bà N lấy lý do bận việc nên không về nhà tôi nữa, dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, ít qua lại nhau. Tôi nhận thấy, cuộc sống chung của vợ chồng mà không qua lại quan tâm nhau nên không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Do đó, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Đào Thị N.

+ Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản riêng: Theo đơn khởi kiện tôi có yêu cầu bà Đào Thị N trả lại số tiền đã mượn là 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) là tài sản riêng của ông T. Tại phiên tòa ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tài sản riêng là 600.000.000đ và không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

- Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Đào Thị N trình bày: Bà N xác nhận lời khai của ông Đinh Xuân T là hoàn toàn đúng nên không có ý kiến gì thêm. Nay ông T khởi kiện ly hôn thì bà N đồng ý ly hôn theo đơn yêu cầu của ông Đinh Xuân T; về con chung: không có con chung; về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản riêng của ông T thì chúng tôi tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Th vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận:

- Tại phiên tòa nguyên đơn ông Đinh Xuân T đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa ông Đinh Xuân T và bà Đào Thị N; Về tài sản riêng: Ông T có đơn

rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần tài sản riêng đối với số tiền 600.000.000đ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

- Bị đơn bà Đào Thị N trình bày: Về quan hệ hôn nhân bà Ngân đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Xuân T; Về tài sản riêng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kiểm sát viên khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng;

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa ông Đinh Xuân T và bà Đào Thị N; Về tài sản riêng: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Xuân T đối với số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng chẵn); về án phí: nguyên đơn ông Đinh Xuân T được miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Xét về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của ông Đinh Xuân T ghi ngày 27/03/2023, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xác định quan hệ pháp luật: Ly hôn, tranh chấp về tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS. Xét thấy bị đơn bà Đào Thị N, cư trú tại thôn 9, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Ea Kar căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Xét về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đinh Xuân T và bà Đào Thị N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K vào ngày 09/11/2020 trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo ông T là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, ít qua lại nhau. Do đó, ông T

làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ông Đinh Xuân T được ly hôn với bà Đào Thị N. Tại phiên tòa bà Đào Thị N xác định vợ chồng bà N có nhiều mâu thuẫn, hay nghi ngờ lẫn nhau, ông T hay ghen tuông dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không sống chung từ tháng 8 năm 2022 âm lịch cho đến nay, vì vậy bà N đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T.

HĐXX xét thấy, ông Đinh Xuân T và bà Đào Thị N trong thời kỳ hôn nhân do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hay nghi ngờ nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2022 âm lịch cho đến nay nên tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được. Bị đơn bà Đào Thị N đồng ý ly hôn ông Đinh Xuân T. Do đó, cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Đinh Xuân T và bà Đào Thị N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét thấy: Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà Trần Thị Th nhưng bà Trần Thị Th vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật

[2.2]. Về con chung: Không có, không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra giải quyết.

[2.4]. Về tài sản riêng: Đối với yêu cầu ông Đinh Xuân T khởi kiện yêu cầu bà Đào Thị N trả số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng chẵn). Tại phiên tòa ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nói trên nên HĐXX, áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về phần tài sản riêng đối với số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng chẵn) của ông Đinh Xuân T.

[3] Về án phí: Ông Đinh Xuân T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên hiện nay ông Đinh Xuân T đã trên 60 tuổi là thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho ông Đinh Xuân T.

[4] Xét ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận toàn bộ ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b, khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Xuân T

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Đinh Xuân T và bà Đào Thị N.

2. Về con chung: Không có con chung. Do đó, HĐXX không đề cập để giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Do đó, HĐXX không đề cập để giải quyết.

4. Về tài sản riêng: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về phần tài sản riêng đối với số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng chẵn) của ông Đinh Xuân T.

5. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho ông Đinh Xuân T.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Đinh Xuân T, bị đơn bà Đào Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Th vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án liên quan đến phần của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện K;
- Chi cục Thi hành án huyện K;
- *Các đương sự;*
- *UBND thị trấn K;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Thị Mai